

ỨNG DỤNG QUAN ĐIỂM NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG HIỆN ĐẠI VÀO KHẢO SÁT LẠI NHÓM TỪ: *Hãy, đừng, chớ*

Đào Thanh Lan

Khoa Ngôn ngữ

Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

1. Nhận xét

Trong các công trình nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt trước đây như các sách "*Ngữ pháp tiếng Việt*" của Nguyễn Kim Thân [7], Nguyễn Tài Cẩn [5], Ủy ban khoa học xã hội [8], Đinh Văn Đức [3]; sách "*Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*" của Nguyễn Anh Quế [6],..., các từ *hãy, đừng, chớ* được xếp vào loại hư từ (vì không có khả năng biểu đạt ý nghĩa từ vựng) và được coi là phụ từ (phó từ) của động từ và chức năng ngữ pháp là biểu thị ý nghĩa cầu khiến (mệnh lệnh). Nguyễn Tài Cẩn cũng cho rằng: *hãy, đừng, chớ* là một trong năm nhóm hư từ có khả năng kết hợp với động từ theo quan hệ chính phụ tạo thành đoạn ngữ động từ (cụm từ chính - phụ có động từ là từ chính). Năm nhóm đó là:

Nhóm 1 gồm các từ: *đều, cũng, vẫn, cứ*: chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động (phụ từ so sánh).

Nhóm 2 gồm các từ: *từng, đã, vừa, mới, đang, sẽ*: chỉ thời gian của hành động (phụ từ thời gian).

Nhóm 3 gồm các từ: *không, chưa, chẳng*: chỉ sự phủ định hành động (phụ từ phủ định).

Nhóm 4 gồm các từ: *hãy, đừng, chớ*: chỉ lời khuyên nên (*hãy*) hoặc không nên (*đừng, chớ*) thực hiện hành động (phụ từ cầu khiến).

Nhóm 5 gồm các từ: *rất, hơi, khi, quá*: chỉ mức độ của trạng thái tính chất (phụ từ mức độ).

Hãy, đừng, chớ là một trong năm nhóm từ phụ của động từ, làm từ chính của từ loại động từ trong thể đối lập động từ và danh từ vì chúng chỉ kết hợp với động từ theo trật tự: *hãy (đừng / chớ) + động từ* chứ không kết hợp với danh từ như thế.

Thực ra, cách nhìn trên chỉ xuất phát từ góc độ xét khả năng kết hợp của từ với thực từ tạo thành tổ hợp chính phụ (đoạn ngữ) ở dạng lý thuyết trên cơ sở từ thu cách hiểu của các phạm trù ngữ pháp của động từ trong ngôn ngữ Ấn - Âu và áp dụng vào ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt. Do đó quan điểm này nhìn cấu trúc ngữ

ở dạng tĩnh, tách khỏi hoạt động giao tiếp, chưa bao quát hết các khả năng hoạt động của từ trong ngữ lưu.*

Nguyễn Anh Quế phối hợp tiêu chuẩn dựa vào đoán ngữ của Nguyễn Tài Căn tiêu chuẩn dựa vào khả năng làm thành phần câu của Nguyễn Kim Thân cho rằng "phó từ không có khả năng làm trung tâm một cấu trúc đoán ngữ (chỉ làm thành tố phụ) và không thể làm thành phần chủ yếu của câu như chủ ngữ, vị ngữ [tr.66].

Nói đến khả năng làm thành phần câu tức là có tính đến chức năng. Tuy nhiên, cách hiểu chức năng này chỉ tính từ một phương diện cấu trúc: vai trò của yếu tố trong cấu trúc câu.

Ngữ pháp chức năng hiện đại coi câu - đơn vị thực hiện chức năng giao tiếp, có bình diện: kết học, nghĩa học và dụng học. Ở câu mới có vấn đề tình thái phát ngôn, mục đích phát ngôn (mục đích giao tiếp) mà người nói cần thể hiện để giao tiếp. Cho nên việc nghiên cứu hoạt động của các yếu tố ngôn ngữ nhỏ hơn câu phải trong đơn vị câu thì mới khảo sát được tất cả các mặt giá trị và chức năng của yếu tố đó một cách toàn diện, khoa học.

Câu trong khi thực hiện chức năng thông báo phản ánh thực tại còn có chức năng truyền đi mục đích của việc thông báo ở người nói. Người nói muốn trần thuật sự kiện của thực tại, hay muốn hỏi về điều chưa rõ của sự kiện, hay muốn yêu cầu người làm cho sự kiện đó trở thành hiện thực. Tất cả những sắc thái đó là mục đích phát ngôn làm nên giá trị ngôn ngữ trung của câu khiến cho câu có hiệu lực giao tiếp. Do vậy tổ chức cú pháp của câu ngoài chức năng phản ánh thực tại (nội dung thông báo, ví dụ: "Mẹ khóc" là một sự tình) còn có chức năng phản ánh mục đích phát ngôn (nội dung tình thái). Nội dung thông báo của câu bao gồm nội dung sự kiện và nội dung tình thái. Nội dung sự kiện thuộc về bình diện nghĩa học. Nội dung tình thái thuộc về bình diện dụng học. Vì vậy phân tích ngữ pháp theo quan điểm chức năng là từ, khi phân tích các yếu tố ở bình diện hình thức (phương tiện diễn đạt nội dung) phải đồng thời chú ý đến tất cả hai phương diện nội dung (nghĩa học và dụng học) để thấy các yếu tố hình thức đã được tổ chức để truyền tải hai nội dung ra sao.

Ngữ pháp truyền thống và ngữ pháp hình thức (cấu trúc) trước đây không chú ý đến mối quan hệ đa diện giữa ba nhân tố trên; các kết luận thường chỉ được tính đến mối quan hệ hai bên bình diện: kết học và nghĩa học, nên những khái niệm đã có như từ, phụ từ, tiểu từ hay động từ, tính từ đều chưa biểu đạt hết được những đặc trưng chức năng của các từ tiếng Việt. Do đó việc xác định một khái niệm từ loại cụ thể cho nhóm từ: *hãy, đừng, chớ* theo các thuật ngữ hiện có là còn bất cập.

* Trong sách Ngữ pháp tiếng Việt (tiếng - từ ghép - đoán ngữ) - 1975, Nguyễn Tài Căn viết: Đoán ngữ là một đơn vị cấu trúc, tự thân nó chưa gắn với chức vụ ngữ pháp nào nên có thể nghiên cứu nó độc lập với chức vụ cú pháp (tr.150).

Đặc trưng đơn lập của tiếng Việt yêu cầu phải dùng phương pháp khảo sát pháp và dùng các tiêu chí cú pháp theo quan điểm ngữ pháp chức năng hiện đại tìm hiểu và xác định vấn đề của từ pháp.

Vì vậy chúng tôi sẽ khảo sát và phân tích hoạt động cụ thể của các từ *hỏi, dừng, chớ* theo quan điểm và phương pháp của ngữ pháp chức năng hiện đại, tức đi từ nội dung đến hình thức, từ mục đích đến phương tiện, từ ý nghĩa đến cấu trúc ngữ pháp rồi dựa vào những phát ngôn hiện thực trong từ liệu tiếng Việt ở văn bản và khẩu ngữ để kiểm nghiệm tính đúng đắn của sự phân tích. Từ đó có thể trình bày một giả thuyết về tên gọi cho nhóm từ này.

2. Khả năng kết hợp của *hỏi, dừng, chớ* trong câu

Những mục đích phát ngôn cơ bản làm nên các giá trị ngôn trung cơ bản phân biệt các kiểu câu là trần thuật, hỏi và cầu khiến. Một câu bên cạnh ngữ pháp phản ánh còn hàm chứa một trong các nội dung tình thái trên. Nghĩa là một câu thể có: cấu trúc câu thể hiện mệnh đề logic phản ánh thực tại khách quan là cấu trúc Đề -Thuyết (chủ -vị) gồm một ngữ đoạn danh từ làm Đề ngữ kết hợp với một ngữ đoạn vị từ làm Thuyết ngữ, hàm chứa một mục đích giao tiếp nhất định (hỏi, trần thuật, hoặc cầu khiến). Câu được phân loại theo mục đích phát ngôn sẽ được gọi tên theo kiểu mục đích phát ngôn.

Câu trần thuật gồm cấu trúc mệnh đề (cấu trúc Đề - Thuyết) thể hiện nội dung sự tình hàm chứa mục đích trần thuật.

Câu hỏi có cấu trúc mệnh đề (Đề - Thuyết) hàm chứa mục đích hỏi.

Câu cầu khiến gồm cấu trúc mệnh đề (Đề - Thuyết) hàm chứa mục đích cầu khiến.

Cấu trúc mệnh đề biểu hiện nội dung sự tình là sự kết hợp giữa danh từ/ đại từ làm đề ngữ với vị từ làm thuyết ngữ theo mô hình:

Danh - Vị kí hiệu D - V

Đề - Thuyết kí hiệu Đ - T

Ví dụ: Mẹ cười.

Ý nghĩa mục đích trần thuật là thuật lại (phản ánh) thực tại khách quan, đó, đề ngữ của câu trần thuật phải là danh từ / đại từ ở ngôi thứ ba (câu trần thuật về thực tại khách quan tồn tại ngoài chủ ngôn (chủ ngôn = người nói)), hoặc đề ngữ là danh từ / đại từ ở ngôi thứ nhất (câu tự thuật: chủ ngôn tự thuật về những sự kiện mà chủ ngôn là người thực hiện).

Đề ngữ của câu trần thuật có thể là danh từ/ đại từ ở ngôi gộp (bao gồm ngôi 1 và ngôi 2)

Ví dụ: Hôm nay cả tôi và anh đều làm việc nhiều.

Hôm nay chúng ta làm việc nhiều.

ngôi gộp

c) Đại từ ngôi 2 + có + vị từ + không.

Đ

T

Từ sơ đồ khái quát trên, ta có *hãy (đừng/chớ)* là nhóm hư từ tình thái cầu khiến có vị trí giữa câu, đứng sau phần Đế ngữ, đứng trước vị từ. Chính vị trí này là điểm hư từ của *hãy (đừng/chớ)* là cơ sở để các nhà Việt ngữ học truyền thống cấu trúc xếp chúng là phụ từ.

Chức năng của *hãy (đừng/chớ)* khác với các nhóm phụ từ đều, cũng, vẫn, cứ, sẽ, đang, không, chưa, chẳng... ở chỗ: phần Thuyết ngữ của câu trần thuật chỉ có vị từ (gồm động từ, tính từ) là đủ cho nòng cốt câu. Sự có mặt của phụ từ cầu khiến nhằm bổ sung các sắc thái ý nghĩa tình thái phụ cho vị từ để đa dạng hoá thể hoá các sắc thái của mục đích trần thuật.

So sánh các ví dụ: Họ sửa bài.
 Họ *cũng* sửa bài.
 Họ *đang* sửa bài.
 Họ *không* sửa bài.

Phụ từ có thể lược bỏ mà không làm ảnh hưởng đến chức năng làm Thuyết ngữ vị từ.

Ở câu cầu khiến, sự kết hợp của *hãy (đừng/chớ)* và vị từ mới làm nên phần Thuyết ngữ của câu, không có mặt *hãy (đừng/chớ)* chỉ có vị từ thì không có dạng câu cầu khiến.

Tác giả Cao Xuân Hạo trong cuốn "*Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng*" [1] "hãy" là vị từ tình thái (mặc dù không giải thích) chúng tôi xuất phát từ quan niệm chức năng mà thấy rằng *hãy (đừng / chớ)* có chức năng của vị từ, chức năng tình thái hoá mục đích phát ngôn cầu khiến thành dạng thức câu cầu khiến.

Như vậy cách hiểu về từ loại vị từ trong thể đối lập với thể từ (danh từ) về các điểm ngữ pháp - chức năng có nội hàm ý nghĩa rộng hơn khái niệm vị từ của Nguyễn Kim Thản: vị từ gồm động từ và tính từ: vốn là thực từ.

Khái niệm *vị từ tình thái* để chỉ hư từ biểu đạt ý nghĩa tình thái có chức năng thuyết ngữ như vị từ thực từ trong câu cầu khiến gợi mở cho chúng tôi hướng phân sát và xác định nội hàm ý nghĩa của các từ loại theo quan điểm chức năng.

Câu cầu khiến với *hãy (đừng / chớ)* còn có đặc điểm là chúng thường kết hợp với vị từ có phụ tố (bổ ngữ, trạng ngữ của vị từ).

Ví dụ: Anh đừng hút thuốc !
 Các anh hãy đi nhanh hơn !

hiếm khi không kết hợp với vị từ không có phụ tố như:

Anh đừng hút (-)
Anh hãy đi (-)

Ở trường hợp này, bỏ câu sẽ dùng thêm tiểu từ câu khiến ở cuối câu như:

Anh đừng hút nhé !

Anh hãy đi đi !

Mặt khác nhờ sự có mặt của *hãy* (*đừng / chớ*) và / hoặc tiểu từ câu khiến ở cuối câu khiến có thể xuất hiện dưới dạng rút gọn để ngữ, chỉ còn thuyết ngữ.

Ví dụ: Hãy ăn cơm đi !

Chớ nói bậy !

Bởi vì Để ngữ trong câu cầu khiến luôn luôn là người nghe ở ngôi thứ hai. Vì vậy, đặc điểm của *hãy*(*đừng/ chớ*) với khái niệm về tiểu từ trong cuốn "Từ loại" (1986) của Đào Thanh Lan, tiểu từ có các đặc điểm sau:

1. Về ngữ nghĩa: tiểu từ biểu đạt ý nghĩa tình thái trong mối quan hệ với mục đích phát ngôn biểu thị cảm xúc của người nói.

2. Về ngữ pháp: tiểu từ thường đứng đầu hoặc cuối câu, ít chịu ảnh hưởng của những biến đổi trật tự từ và cấu trúc.

Ta thấy:

1) *Hãy* (*đừng / chớ*) chỉ biểu đạt ý nghĩa tình thái cầu khiến người nghe nên hoặc không nên thực hiện hành động, ngoài ra không biểu thị cảm xúc nào khác của người nói như các tiểu từ: đi, với, thôi, nhé, nào...

2) *Hãy* (*đừng/chớ*) không đứng đầu hoặc cuối câu mà đứng trước vị từ, có chức năng ngữ pháp trong câu như vị từ.

Do đó không thể gọi *hãy* (*đừng / chớ*) là tiểu từ. Có lẽ trong các tên gọi hiện tại tên gọi vị từ hình thái dùng cho nhóm "*hãy , đừng , chớ*" có sức thuyết phục hơn.

Tóm lại, tất cả những sự khảo sát và phân tích trên đã đưa đến kết luận: *hãy , đừng , chớ* là những hư từ biểu đạt ý nghĩa tình thái cầu khiến, có chức năng cùng tiểu từ làm nên phân thuyết ngữ, nêu đặc trưng thông báo cho câu, chúng được gọi tên là vị từ tình thái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Xuân Hạo. *Ngữ pháp tiếng Việt-sơ thảo ngữ pháp chức năng*. NXB Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh. TP HCM, 1991.
- [2] Đào Thanh Lan "Một hướng vận dụng ngữ pháp chức năng để xác lập các thành phần phân tích câu đơn hai thành phần tiếng Việt theo cấu trúc Để Thuyết Ngữ học trẻ 96 - Hội ngôn ngữ học Việt Nam xuất bản -1996.
- [3] Đinh Văn Đức. *Ngữ pháp Tiếng Việt - từ loại* . NXB Đại học và Trung tâm Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1986.

Hoàng Trọng Phiến. *Ngữ pháp Tiếng Việt - câu*. Hà Nội, 1980.

Nguyễn Tài Cẩn. *Ngữ pháp Tiếng Việt. Tiếng - Từ ghép - Đoạn ngữ*. NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975.

Nguyễn Anh Quế. *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988.

Nguyễn Kim Thản. *Ngữ pháp Tiếng Việt*, tập 1, 2. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964.

Ủy ban khoa học xã hội. *Ngữ pháp Tiếng Việt*, 1983.

CHI KHOA HỌC ĐHQGHN, KHXH, LXVI, N^o3, 2000

APPLY FUNCTIONAL GRAMMAR VIEWPOINT TO RESEARCH WORDS "HÃY, ĐỪNG, CHỚ"

Dao Thanh Lan

Faculty of Linguistics

College of Social Sciences & Humanities - VNU

The function of words "hãy, đừng, chớ" are based on a functional grammar viewpoint. When inserting them in a sentence, one must consider both semantical content and modal content simultaneously.

"Hãy, đừng, chớ" express a request or a command. Therefore, they should be treated as modal verbs.